

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày 19 – 01 - 2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 19 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 548/2022/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Kim T, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp TH, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có: Bà Trần Như N – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước Việt Nam, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn U, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp TL A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Đoàn Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh U chung sống năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh U không có công việc ổn định, thường xuyên nhậu, ăn chơi, không quan tâm, lo lắng gia đình. Thân tộc hai bên có hòa giải hàn gắn nhưng anh U không khắc phục. Vợ chồng đã ly thân khoảng 12 năm. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh U.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trịnh Đăng K, sinh ngày 16/02/2009 hiện đang sống chung với anh U. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh U nuôi, chị không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trịnh Văn U đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đoàn Kim T khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Trịnh Văn U là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T, chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T, chị N, anh U.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2007, chị T và anh U kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh U được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị T xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tuy nhiên anh U không có ý kiến. Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh U đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra. Việc này được thể hiện là chị T, anh U đã ly thân 12 năm, đồng thời kể ngày chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn thì anh chị không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu K đã hơn 13 tuổi, gần tròn 14 tuổi và đang sống chung với anh U. Khi ly hôn, chị T đồng ý giao cháu K cho anh U tiếp tục nuôi, chị không phải cấp dưỡng. Tuy nhiên, anh U không có ý kiến về nuôi con và cấp dưỡng. Xét thấy: Cháu K hiện sống ổn định với anh U, có điều kiện phát triển bình thường

về thể chất và tinh thần. Trong khi đó, chị T là người khuyết tật. Cho nên điều kiện nuôi dạy con của anh U sẽ đảm bảo hơn chị T. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu K nên Hội đồng xét xử giao cháu K cho anh U tiếp tục nuôi là phù hợp.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh U thì không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đề nghị của người bảo vệ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và các vấn đề khác là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét về án phí dân sự: Chị T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 của Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Kim T được ly hôn với anh Trịnh Văn U.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Đăng K, sinh ngày 16/02/2009 cho anh Trịnh Văn U được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đoàn Kim T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Đoàn Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, hoàn trả cho chị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013363 ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Huệ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh